

## TỜ TRÌNH

### Dự thảo Nghị quyết quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

### 1. Căn cứ pháp lý

Theo quy định tại điểm e, khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 (sau đây viết tắt là Luật NSNN) quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “*Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương*”; khoản 1, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước quy định: “*Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, khả năng ngân sách địa phương và đặc điểm tình hình ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách ở địa phương*”.

Tại Điều 14 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 – 2024 quy định: “*Căn cứ vào mức chi cân đối ngân sách địa phương tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN, ... và dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 (được Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng hệ thống định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, xác định tỷ lệ phân chia nguồn thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương và số bổ sung ngân sách cho ngân sách cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan*”.



Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, tại Điều 4 Quyết định nêu rõ: “Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước ...”.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) đã ban hành Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, thời kỳ ổn định năm 2017-2020.

Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND đã được thực hiện trong thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017 - 2020 và năm kéo dài năm 2021, là căn cứ để xây dựng dự toán chi ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; là cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới. Qua gần 5 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả tích cực, Nghị quyết đã dần bộc lộ những điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới như:

- Định mức được thực hiện ổn định trong thời gian dài, đến nay đã bị ảnh hưởng bởi yếu tố trượt giá, những năm đầu thời kỳ ổn định năm 2017 - 2020 định mức vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhưng những năm cuối giai đoạn, đặc biệt là năm 2021 (năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017 - 2020) các đơn vị, địa phương càng gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách.

- Chính sách tiền lương của nhà nước thay đổi, năm 2017 mức lương cơ sở là 1.210 nghìn đồng, đến nay đã được tăng lên 1.490 nghìn đồng. Do đó, định mức tính tại Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND trên cơ sở mức lương 1.210 nghìn đồng đã không còn phù hợp.

- Thực hiện chủ trương sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế hiện nay một số chỉ tiêu làm cơ sở để xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN của tỉnh đã thay đổi nhiều so với năm 2017 như số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; số thôn, xóm.

- Ngoài ra, còn phát sinh nhiều chế độ, chính sách mới, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ của các đơn vị cũng có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước. Do vậy



một số định mức phân bổ chi thường xuyên của các địa phương theo Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND đã không còn phù hợp với giai đoạn mới bắt đầu từ năm 2022, cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Với cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và đúng quy định hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nghị quyết ban hành làm cơ sở để các cấp chính quyền địa phương xây dựng, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm khác có liên quan.
- Định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, dễ thực hiện và kiểm tra.
- Phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022- 2025.
- Phân bổ trên cơ sở nguồn lực chi thường xuyên, đảm bảo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố (đơn vị) thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh và các chế độ an sinh xã hội theo lĩnh vực, địa bàn theo phân cấp hiện hành.
- Kế thừa những mặt tích cực và khắc phục những điểm chưa phù hợp của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017 - 2020.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết đúng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của



Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về lấy ý kiến góp ý đối với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được gửi xin ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố. Dự thảo được đăng trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng và Trang Thông tin điện tử Sở Tài chính để lấy ý kiến. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến phù hợp và có cơ sở (*có Bảng tổng hợp ý kiến góp ý gửi kèm*).

Về thẩm định Nghị quyết: Ngày 09 tháng 11 năm 2021 Sở Tư pháp đã thẩm định Dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến thẩm định cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến để hoàn thiện dự thảo.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 3 Điều và kèm theo Quy định gồm 2 Chương, 12 Điều, trong đó:

##### **a) Nội dung Nghị quyết:**

- Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 - 2025.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.

- Điều 3: Tổ chức giám sát

##### **b) Quy định kèm theo**

- Chương I: Quy định chung gồm 3 Điều (Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc).

- Chương II: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương gồm 9 Điều (từ Điều 4 đến Điều 12).

##### **2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

Nội dung cơ bản của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trình bày tại Quy định kèm theo như sau:

- Chương I: Quy định chung.

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng.



- + Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên.
- Chương II: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.
- + Điều 4. Sự nghiệp giáo dục.
- + Điều 5. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề.
- + Điều 6. Sự nghiệp y tế.
- + Điều 7. Chi quản lý hành chính.
- + Điều 8. Sự nghiệp: Văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, kinh tế, sự nghiệp khác.
- + Điều 9. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.
- + Điều 10. Sự nghiệp bảo vệ môi trường.
- + Điều 11. Sự nghiệp khoa học và công nghệ.
- + Điều 12: Các lĩnh vực còn lại.

*(Tài liệu gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và dự thảo Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp)*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP; CVTH (Nhưng);
- Lưu: VT, TH (HT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 12 năm 2021

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.



**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, kỳ họp thứ .... thông qua ngày tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2021./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**QUY ĐỊNH**

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**  
(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan Nhà nước, Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

**Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước**

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết này là căn cứ để các cấp chính quyền địa phương xây dựng, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021- 2025. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các đơn vị với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, công tác phí.



5. Các tiêu chí chính để phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là số biên chế được cấp thẩm quyền giao theo quy định, số đơn vị hành chính cấp xã, số tổ, xóm. Kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế từng lĩnh vực và đặc thù của từng đơn vị, địa phương. trong thời kỳ ổn định ngân sách căn cứ vào khả năng ngân sách địa phương, nhu cầu nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc các lĩnh vực giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung kinh phí cho các cơ quan đơn vị, huyện, thành phố và thực hiện quyết toán theo quy định.

Đảm bảo tính đủ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

Các chế độ chính sách thực hiện theo quy định hiện hành(chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

6. Định mức tại quy định này chưa tính các nguồn thu (thu sự nghiệp, thu khác) của các đơn vị. Hàng năm giao dự toán cho đơn vị sẽ trừ nguồn thu theo quy định.

7. Trường hợp dự toán chi hoạt động thường xuyên tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn.

## Chương II

### **ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỄN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

#### **Điều 4. Sự nghiệp giáo dục**

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Định mức chi hoạt động tính trên 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm*

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	Các cấp học	22

- Chi hoạt động giảng dạy và học tập bao gồm tiền công, tiền dạy vượt giờ, tiền điện; tiền nước; tiền vệ sinh môi trường; tiền nhiên liệu, vật tư văn phòng; tiền điện thoại, báo chí, phần mềm. Công tác phí, hội nghị, hội thảo; học phẩm cho giáo viên; sách thiết bị dùng cho chuyên môn; chi hoạt động giáo dục ngoài giờ; thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp, thi học sinh giỏi, khen thưởng học sinh; kinh phí kiểm định chất lượng giáo dục, các hoạt động chuyên môn khác; chi mua sắm nhỏ, sửa chữa bảo trì tài sản phục vụ hoạt động chuyên môn...và các khoản chi khác phục vụ dạy và học trong năm học.

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung gồm:



a. Các chương trình mục tiêu, chế độ chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục thực hiện theo quy định hiện hành được xác định trên cơ sở số kiểm tra dự toán của các đơn vị về đối tượng, mức hỗ trợ theo văn bản quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b. Trường Phổ thông Dân tộc nội trú:

- Học bổng theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ các chế độ khác cho học sinh nội trú: 4 triệu đồng/ học sinh/năm. Bao gồm tiền trang cấp hiện vật, tiền tàu xe, hỗ trợ học phẩm, sách giáo khoa, chi hoạt động văn thể, tiền điện nước phục vụ học tập và sinh hoạt... theo quy định.

c. Trường Trung học Phổ thông chuyên: hỗ trợ thêm 6 triệu đồng/học sinh/năm học (quỹ học bổng theo quy định và các nội dung hỗ trợ khác).

- Trung tâm phục hồi chức năng và giáo dục hòa nhập trẻ em khuyết tật: chi trợ cấp học sinh trong các tháng học ở Trung tâm mức 600 nghìn đồng/học sinh/tháng (trừ các đối tượng đã hưởng chính sách theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, Bộ Tài chính quy định về chính sách với người khuyết tật).

d. Hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo chi nhiệm vụ sự nghiệp tập trung, các nhiệm vụ phát sinh khác thuộc lĩnh vực của ngành trên cơ sở phù hợp với khả năng ngân sách địa phương.

đ. Trong tổng chi hoạt động sự nghiệp giáo dục cấp huyện bao gồm cả hỗ trợ các nhiệm vụ sự nghiệp tập trung tại phòng Giáo dục và Đào tạo huyện. Tùy theo nhiệm vụ hàng năm các huyện phân bổ cho phòng giáo dục và đào tạo trên cơ sở nhiệm vụ sự nghiệp tập trung thực hiện tại phòng.

e. Ngoài định mức phân bổ nêu trên, căn cứ vào khả năng ngân sách hàng năm, trên cơ sở nhu cầu thực tế ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ để thực hiện một nhiệm vụ phát sinh thuộc lĩnh vực giáo dục.

### **Điều 5. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Định mức chi hoạt động tính trên 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm*

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Trường chính trị Hoàng Đình Giông	34
2	Các đơn vị đào tạo cấp tỉnh còn lại	22
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	21



3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm thực hiện theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh và khả năng ngân sách địa phương giao cho các đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

### **Điều 6. Sự nghiệp y tế**

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Định mức chi hoạt động tính như sau:

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Định mức phân bổ</b>
<b>1</b>	<b>Phòng bệnh</b>	Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm
	Tuyển tỉnh	26
	Tuyển huyện (Trung tâm y tế của 10 huyện: chức năng phòng bệnh và dân số kế hoạch hóa gia đình)	28
<b>2</b>	<b>Chữa bệnh</b>	Đơn vị: Triệu đồng/giường bệnh/năm
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	20
	Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hòa, Bệnh viện Đa khoa huyện Trùng Khánh, Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Quảng	19
	Bệnh viện Tỉnh Túc, Trung tâm y tế của 10 huyện	18
<b>3</b>	<b>Y tế khác</b>	Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm
	Trung tâm Pháp y, Trung tâm kiểm nghiệm mỹ phẩm dược phẩm	26
	Trung tâm điều dưỡng người có công và chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	22
	Cơ sở cai nghiện ma túy	21
<b>4</b>	<b>Y tế xã</b>	
	Kinh phí hoạt động tại cơ sở trạm y tế xã	60 Triệu đồng/trạm/năm
<b>5</b>	Phần giảm chi thường xuyên sự nghiệp y tế theo điều chỉnh giá dịch vụ y tế, đơn vị lập phương án sử dụng theo thực tế.	



3. Các nội dung kinh phí thuộc lĩnh vực y tế như hỗ trợ công tác phòng chống dịch, tiền ăn đối với cán bộ vào điều trị tại khoa Nội A, kinh phí thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng thuộc diện Tỉnh ủy và Trung ương quản lý. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, các nhiệm vụ mục tiêu y tế, dân số thực hiện theo quy định.

4. Ngoài định mức phân bổ nêu trên, căn cứ vào khả năng ngân sách tỉnh dành kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chương trình phát sinh đột xuất khác thuộc lĩnh vực y tế. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho đơn vị thực hiện.

### **Điều 7. Chi quản lý hành chính**

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

2. Chi hoạt động bao gồm các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan như chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi vật tư văn phòng phẩm; chi thông tin, liên lạc chi công tác phí; chi cập nhật thông tin, cước phí hệ thống phần mềm và duy trì hoạt động trang Web, trang thông tin điện tử, kinh phí thuê tên miền và các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật; Kinh phí hoạt động sửa chữa bảo dưỡng máy móc trang thiết bị; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác chuyên môn; Kinh phí xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO; chi hoạt động đảng, đoàn thể, hoạt động thanh tra. Chi phúc lợi tập thể, quỹ thi đua khen thưởng. Kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở. Xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Kinh phí hoạt động đặc thù của các cơ quan, hoạt động Hội đồng nhân dân, hoạt động thường trực, kinh phí cho các Ban chỉ đạo, giám sát, phản biện, các hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ. Kinh phí lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Kinh phí chỉnh lý tài liệu, thống kê... và các nhiệm vụ chi hoạt động khác theo phân cấp.

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Định mức phân bổ</b>
1	Cấp tỉnh: các cơ quan nhà nước, Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp	
	Định mức chi hoạt động cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:	Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm
	Dưới 20 biên chế	36
	Từ 20 đến 40 biên chế	34
	Từ 41 đến 60 biên chế	30
	Trên 60 biên chế	29



STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	Đối với đơn vị từ 3 biên chế trở xuống được hỗ trợ bằng mức hoạt động của 4 biên chế.	
2	Cấp huyện	
	Chi hoạt động trên số biên chế cấp huyện do cơ quan có thẩm quyền giao.	35 Triệu đồng/biên chế
	Các tổ chức hội có tính chất đặc thù cấp huyện không có biên chế giao được tính hỗ trợ hoạt động	25 triệu đồng/ người
3	Cấp xã	
	Chi phục vụ hoạt động được tính theo quyết định phân loại xã của UBND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ giao theo phân cấp bao gồm cả hoạt động HĐND, mua sắm, sửa chữa bảo trì thường xuyên	
	Xã loại 1	500 triệu đồng/xã
	Xã loại 2	450 triệu đồng/xã
	Xã loại 3	400 triệu đồng/xã
	Ngoài định mức hỗ trợ trên phân bổ thêm như sau:	10 triệu/tổ, xóm
	Căn cứ vào tổng kinh phí chi hoạt động được tính phân bổ theo quy định này các huyện được chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với điều kiện thực tế từng địa bàn xã.	

### 3. Hỗ trợ thêm hoạt động của các cơ quan sau:

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Hỗ trợ hoạt động các cơ quan đặc thù	
	- Tỉnh ủy: hoạt động cấp ủy, hoạt động thường trực, các công tác khác	14.000 triệu đồng/năm
	- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh: hỗ trợ hoạt động Đoàn đại biểu quốc hội, hoạt động Hội đồng nhân dân và các nhiệm vụ đặc thù khác	12.000 triệu đồng/năm
	- Văn phòng UBND tỉnh: hỗ trợ hoạt động điều hành chung	12.000 triệu đồng/năm



STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	Hỗ trợ công tác mặt trận tổ quốc tỉnh và bảo đảm công tác bảo trì, vệ sinh trụ sở tòa nhà MTTQ và các đoàn thể	3.500 triệu đồng/năm
2	Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở; xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính do Sở Tư pháp thực hiện	2.000 triệu đồng/năm
3	Bổ sung phục vụ hoạt động nhiệm vụ chung của huyện (Bảo đảm hoạt động chung của toàn bộ khối cơ quan cấp huyện, trong đó có hoạt động thường trực huyện ủy, hoạt động HĐND theo quy định, nhiệm vụ chung do UBND huyện và các cơ quan cấp huyện thực hiện và các nhiệm vụ chung khác phát sinh trong năm)	
	Thành phố	3.600 triệu đồng/năm
	Hòa An	3.500 triệu đồng/năm
	Quảng Hòa	4.000 triệu đồng/năm
	Trùng Khánh	4.400 triệu đồng/năm
	Thạch An	3.300 triệu đồng/năm
	Nguyên Bình	3.500 triệu đồng/năm
	Bảo Lạc	3.800 triệu đồng/năm
	Bảo Lâm	3.900 triệu đồng/năm
	Hà Quảng	4.400 triệu đồng/năm
	Hạ Lang	3.500 triệu đồng/năm

4. Phụ cấp đại biểu hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương bổ sung ngoài định mức đối với các chương trình, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ trương và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất của các cơ quan, đơn vị và nhiệm vụ đặc thù của một số cơ quan tổng hợp.

**Điều 8. Sự nghiệp: văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, kinh tế, sự nghiệp khác.**



1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.
2. Định mức chi hoạt động tính trên 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm*

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	<b>Cấp tỉnh</b>	
	Dưới 20 biên chế	24
	Từ 20 đến 40 biên chế	22
	Từ 41 đến 60 biên chế	21
	Trên 60 biên chế	20
2	<b>Cấp huyện</b>	21

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung gồm:

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	<b>Sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
1.1	<b>Cấp tỉnh</b>	
	Chi hỗ trợ hoạt động văn hóa tuyên truyền	450 triệu đồng/năm
	Hỗ trợ kinh phí bổ sung đầu sách, tuyên truyền giới thiệu văn hóa sách báo, luân chuyển sách báo đến vùng sâu, vùng xa, các trường học	350 triệu đồng/năm
1.2	<b>Cấp huyện</b>	
	Hỗ trợ hoạt động văn hóa, tuyên truyền, thư viện	300 triệu đồng/ huyện và 20 triệu đồng/xã
1.3	Hỗ trợ hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin của các đơn vị theo nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.	
2	<b>Sự nghiệp thể thao</b>	
2.1	<b>Cấp tỉnh</b>	



STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	Hỗ trợ hoạt động phong trào thể thao	2.500 triệu đồng/năm
	Hỗ trợ chi phí mua vật dụng, sinh hoạt và mua sắm dụng cụ tập luyện cho các đội tuyển tại Trung tâm Đào tạo, thi đấu Thể thao và Nghệ thuật	500 triệu đồng/năm
2.2	Cấp huyện: hỗ trợ hoạt động thể thao	100 triệu đồng/ huyện và 30 triệu đồng/xã
2.3	Kinh phí tổ chức và tham gia các đại hội thể thao, các giải thi đấu thể thao trong tỉnh, các giải khu vực, toàn quốc và các hoạt động thể dục thể thao khác trên cơ sở chỉ tiêu được giao, chế độ quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh	
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp phát thanh truyền hình</b>	
3.1	Đài truyền hình tỉnh	10.000 triệu đồng/năm
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị truyền hình	1.500 triệu đồng/năm
	Hỗ trợ chi phí hoạt động: nhuận bút, tiền điện, xăng dầu, thuê vệ tinh theo tiêu chuẩn, thuê đường truyền viễn thông, thực hiện bản tin, thực hiện đề án nâng cao năng lực truyền thông; chi trả phí dịch vụ kênh truyền hình HD... và các nhiệm vụ phát sinh trong năm	8.500 triệu đồng/năm
3.2	Cấp huyện	
	Kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng vận hành trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn	80 triệu đồng/trạm
<b>4</b>	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	
4.1	Cấp tỉnh	
4.1.1	Cơ sở cai nghiện ma túy	
	- Hỗ trợ cho công tác trực 24/24 giờ và các hoạt động đặc thù	500 triệu đồng/năm
	- Hỗ trợ chi phí hoạt động	400 triệu đồng/năm
4.1.2	Trung tâm bảo trợ xã hội: hỗ trợ hoạt động của trung tâm.	500 triệu đồng/năm



STT	Nội dung	Định mức phân bổ
4.1.3	Trung tâm Điều dưỡng người có công: hỗ trợ hoạt động	300 triệu đồng/năm
4.1.4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội:	
	- Chi thăm hỏi các đối tượng người có công, văn nghệ sĩ tiêu biểu, đối tượng chính sách xã hội, người lao động, các đơn vị lực lượng vũ trang, trung tâm điều dưỡng, trung tâm giáo dưỡng nhân dịp tết nguyên đán; Đối tượng người có công nhân ngày 27/7 và các hoạt động xã hội khác.	2.000 triệu đồng/năm
4.2	Cấp huyện	
4.2.1	Chi thăm hỏi Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến tổng khởi nghĩa tháng tám năm 1945, 01 lần/năm; Bà mẹ Việt nam anh hùng; Thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên (02 lần/năm)	1 triệu đồng/lần
4.2.2	Chi thăm hỏi các gia đình: liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; người có công giúp đỡ cách mạng; người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống (2 lần/năm)	0,5 triệu đồng/lần
4.2.3	Hỗ trợ thêm cho công tác đảm bảo xã hội	25 triệu đồng/năm/xã
4.2.4	Chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện thực hiện	100 triệu đồng/năm
4.3	<b>Đảm bảo xã hội khác</b>	
	- Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ trong công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội.	



STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	<p>- Hỗ trợ cho công tác đảm bảo xã hội theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao hàng năm và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.</p> <p>- Các nội dung không trong định mức phân bổ, giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm: Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; Kinh phí người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	
5	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
5.1	Chi sự nghiệp giao thông: sửa chữa thường xuyên	
	- Đường tỉnh lộ	35 triệu đồng/km
	- Đường huyện	28 triệu đồng/km
	- Đường Võ Nguyên Giáp	56 triệu đồng/km
	- Đường nội bộ khu vực cửa khẩu và khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu	28 triệu đồng/km
	- Đường xã	3 triệu đồng/km
	- Chi sửa chữa đường tuần tra biên giới do địa phương quản lý	30 triệu đồng/km
	- Đối với chi sửa chữa định kỳ đường giao thông, cầu, cống, mương thủy lợi..., căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí để thực hiện.	
5.2	Chi SN kiến thiết thị chính trên các địa bàn	
	Địa bàn Thành phố	27.000 triệu đồng/năm
	Hòa An, Thạch An, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang	2.500 triệu đồng/năm
	Nguyên Bình	3.500 triệu đồng/năm
	Quảng Hòa, Hà Quảng, Trùng Khánh	6.000 triệu đồng/năm



STT	Nội dung	Định mức phân bổ
	Ngoài định mức trên phân bổ thêm như sau:	25 triệu đồng/xã
	Trên cơ sở tổng kinh phí giao, các huyện chủ động phân bổ cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ cho phù hợp với thực tế trên địa bàn	
5.3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi sự nghiệp kinh tế khác còn lại như sự nghiệp nông, lâm nghiệp; thủy lợi, thủy sản; tài nguyên và sự nghiệp kinh tế khác không có định mức cụ thể: căn cứ theo chỉ tiêu kế hoạch giao của tỉnh, chế độ quy định hiện hành, hằng năm bố trí chi phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.</li> <li>- Kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: trên cơ sở dự toán kinh phí miễn thu thủy lợi phí sẽ thực hiện bổ sung có mục tiêu cho các đơn vị thực hiện.</li> <li>- Chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa xác định trên cơ sở mức hỗ trợ và diện tích đất trồng lúa.</li> </ul>	

### **Điều 9. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

1. Đối với cấp tỉnh theo khả năng ngân sách hỗ trợ nhiệm vụ chi được phân cấp cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Kinh phí thực hiện theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của luật Dân quân tự vệ và các quy định hiện hành.

2. Đối với các huyện hỗ trợ như sau:

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Hỗ trợ đảm bảo nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh theo phân cấp	400 triệu đồng/huyện và 200 triệu đồng/xã
2	Chi quốc phòng, an ninh biên giới đối với các xã biên giới	200 triệu đồng/xã
3	Chi an ninh xã trọng điểm	50 triệu đồng/xã
	Trên cơ sở tổng kinh phí giao, các huyện chủ động phân bổ cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cho phù hợp với thực tế trên địa bàn	

3. Các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực theo thực tế phát sinh và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.



**Điều 10. Sự nghiệp bảo vệ môi trường***Đơn vị: Triệu đồng /năm*

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	4.000
2	Văn phòng UBND tỉnh (khu vực Trung tâm hội nghị )	1.500
3	Ban Quản lý khu kinh tế	6.000
4	Địa bàn các huyện	
	Địa bàn Thành phố	40.000
	Trùng Khánh, Quảng Hòa, Hà Quảng	5.000
	Các huyện còn lại	3.000
	Ngoài định mức trên phân bổ thêm như sau:	10 triệu đồng/xã
	Trên cơ sở tổng kinh phí giao, các huyện chủ động phân bổ cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ cho phù hợp với thực tế trên địa bàn	
5	Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác theo phân cấp quản lý, kế hoạch tỉnh giao trên cơ sở thực tế phát sinh và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.	

**Điều 11. Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ**

Mức phân bổ tối thiểu bằng mức Trung ương giao cho địa phương hàng năm.

Ngoài ra phân bổ thêm kinh phí ngân sách địa phương để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: 4.000 triệu đồng/năm.

**Điều 12: Các lĩnh vực còn lại**

1. Chi hoạt động lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP:

a. Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương theo số người có mặt trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

b. Định mức chi hoạt động: 10 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Chi khác ngân sách của các cấp ngân sách phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Dự phòng ngân sách căn cứ vào kinh phí dự phòng trung ương phân bổ, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ dự phòng ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. /.



## THUYẾT MINH QUY ĐỊNH

### **Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) đã ban hành Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, thời kỳ ổn định 2017-2020.

Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND đã được thực hiện trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 và năm kéo dài 2021, là căn cứ để xây dựng dự toán chi ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; là cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới. Qua gần 5 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả tích cực, Nghị quyết đã dần bộc lộ những điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới như:

- Định mức được thực hiện ổn định trong thời gian dài, đến nay đã bị ảnh hưởng bởi yếu tố trượt giá, những năm đầu thời kỳ ổn định 2017 - 2020 định mức vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhưng càng về những năm cuối, đặc biệt là năm 2021 (năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020) các đơn vị, địa phương càng gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách.

- Chính sách tiền lương của nhà nước thay đổi, năm 2017 mức lương cơ sở là 1.210 nghìn đồng, đến nay đã được tăng lên 1.490 nghìn đồng. Do đó, định mức tính tại Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND trên cơ sở mức lương 1.210 nghìn đồng đã không còn phù hợp.

- Thực hiện chủ trương sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế hiện nay một số chỉ tiêu làm cơ sở để xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN của tỉnh đã thay đổi nhiều so với năm 2017 như số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; số thôn, xóm.

- Ngoài ra, còn phát sinh nhiều chế độ, chính sách mới, đề án, kế hoạch và các nhiệm vụ của các đơn vị cũng có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước. Do vậy một số định mức phân bổ chi thường xuyên của các địa phương theo Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND đã không còn phù hợp với giai đoạn mới bắt đầu từ năm 2022, cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Dự thảo quy định của giai đoạn 2022-2025 có một số điểm mới như sau:

### **I. BỐ CỤC**

Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND bố cục gồm 2 chương và 10 Điều. Gồm chương I: Nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ ngân sách. Chương II: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương. Trong đó có các Điều quy định theo từng lĩnh vực chi.



Dự thảo Nghị quyết mới bố cục gồm 2 chương và 12 Điều. Gồm chương I Quy định chung, trong đó có nêu cụ thể các nguyên tắc tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025.

Các tiêu chí chính để phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là số biên chế được cấp thẩm quyền giao theo quy định, số đơn vị hành chính cấp xã, số tổ, xóm. Kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế từng lĩnh vực và đặc thù của từng đơn vị, địa phương.

Đảm bảo tính đủ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

Các chế độ chính sách thực hiện theo quy định hiện hành (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

Chương II: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, gồm các Điều quy định từng lĩnh vực chi bố cục theo thứ tự của Quy định giai đoạn trước để thuận tiện trong việc đối chiếu, so sánh.

## **II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG LĨNH VỰC CHI**

- Định mức Trung ương ban hành trên cơ sở mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đ, tăng 23% so với mức lương cơ sở giai đoạn trước và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết..

Kinh phí giao theo định mức và tính trên dân số của tỉnh do vậy đối với tỉnh Cao Bằng dân số thấp, do vậy kinh phí được giao sẽ thấp hơn các tỉnh gần tương đồng về vị trí địa lý, về địa bàn hành chính...

- Trên cơ sở các quy định hiện hành, những tồn tại vướng mắc, và tổng nguồn lực ngân sách của tỉnh năm 2022, xây dựng hệ thống định mức năm 2022 phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022.

- Một số chế độ chính sách Trung ương không thực hiện hỗ trợ riêng nhưng tỉnh vẫn phải bố trí kinh phí thực hiện do vậy tính trên cơ sở hỗ trợ kinh phí để thực hiện.

- Những nội dung chi đã có quy định cụ thể tại các văn bản không đưa vào quy định lại tại Nghị quyết này.

- Các định mức áp dụng cho huyện lấy tiêu chí số địa bàn xã, tổ xóm để xác định, đồng thời xét thêm các tiêu chí đặc thù.

- Định mức để áp dụng cho các lĩnh vực chi trên toàn tỉnh, do vậy dù đã tính đến tiêu chí riêng của từng đơn vị, từng địa phương để đảm bảo phù hợp tuy nhiên cũng mang tính tương đối, không thể đảm bảo phù hợp với từng đơn vị. Để khắc phục điều này đã có quy định tại một số định mức cấp huyện được chủ động phân bổ lại cho phù hợp thực tế trên địa bàn.

- Theo đóng góp của một số đơn vị, đề nghị tính yếu tố trượt giá cho những năm cuối của thời kỳ ổn định. Vì Cao Bằng là tỉnh nghèo, nguồn thu thấp, chủ yếu nhận trợ cấp của trung ương, do vậy căn cứ trên tổng nguồn lực để xây dựng định mức, việc tăng kinh phí hàng năm phụ thuộc vào Trung ương, do



vậy không thể quy định tỷ lệ tăng định mức cho các năm cuối thời kỳ ổn định tại Nghị quyết này.

- Ngoài kinh phí các chính sách TW hỗ trợ, tỉnh còn phải bố trí kinh phí thực hiện các chính sách TW không cấp kinh phí (hỗ trợ cơ sở đảng, toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, kinh phí đối với người có uy tín, chúc thọ mừng thọ, trung tâm học tập cộng đồng, kinh phí lao động hợp đồng 68...), và kinh phí thực hiện các chính sách, đề án, kế hoạch, chương trình do tỉnh ban hành. Do vậy xem xét tính hỗ trợ trong khả năng ngân sách, không tính đảm bảo được theo nhu cầu kinh phí của đơn vị đề nghị.

### **(1). Sự nghiệp giáo dục**

- Qua quá trình thực hiện, trên cơ sở ý kiến của ngành chuyên môn, nhiệm vụ các cấp học tương đồng, do vậy để đảm bảo nhiệm vụ giữa các cấp học, định mức 2022 tính trên cơ sở biên chế, không tính tỷ lệ hoạt động trên lương như năm 2021. Đồng thời có quy định hỗ trợ hoạt động sự nghiệp chung tại Sở GD, tại các phòng giáo dục đào tạo huyện.

Qua thực tế giai đoạn trước, theo đóng góp của một số đơn vị, kinh phí hoạt động giao toàn bộ về các trường học thì tại phòng giáo dục không có kinh phí để thực hiện hoạt động sự nghiệp chung.

Định mức biên chế năm 2022 đã tính toán bao gồm cả chi hoạt động sự nghiệp chung tại phòng giáo dục cấp huyện. Trên cơ sở kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục được giao, các huyện chủ động phân bổ kinh phí để lại phòng giáo dục phục vụ hoạt động sự nghiệp chung theo nhu cầu thực tế.

- Trường nội trú các cấp: Định mức giai đoạn trước xây dựng chung cả học bổng và chi khác, để thuận tiện hơn trong tính toán năm 2022 định mức tính tách riêng vì học bổng tính trên lương cơ sở hàng năm, chi khác tính yếu tố tăng so với năm trước.

### **(2) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

Chi hoạt động trên 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao, còn kinh phí đào tạo mở lớp tính theo các quy định hiện hành.

### **(3) Sự nghiệp y tế**

Điều chỉnh tăng định mức giường bệnh, hoạt động phòng bệnh và y tế khác, tăng định mức hoạt động trạm y tế xã. Bổ quy định bổ sung thêm kinh phí hoạt động chuyên môn, mua sắm sửa chữa tính trên 1 đơn vị, tính toán xây dựng các nội dung mua sắm sửa chữa vào định mức hoạt động trên biên chế giao.

Quy định cụ thể mức hỗ trợ các hoạt động đặc thù chuyên môn ngành y tế như: phòng chống dịch, khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng, phân viện A, kiểm nghiệm dược mỹ phẩm, hoạt động y tế dân số.

### **(4) Chi Quản lý hành chính**

Điều chỉnh mức chi hoạt động trên biên chế, không quy định nhiều mức theo từng nhóm đơn vị quản lý nhà nước, đảng đoàn thể như trước.



Trên cơ sở các nhiệm vụ hàng năm phát sinh và khả năng ngân sách quy định mức cụ thể hoạt động đặc thù của các cơ quan: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và một số cơ quan đơn vị cấp tỉnh như hoạt động mặt trận tổ quốc, Điều chỉnh tăng mức chi hoạt động chung của các huyện, xã. Tính trên tiêu chí số xã để đảm bảo tương đồng giữa các huyện 200 triệu/xã, nếu huyện tính trên xã được dưới 3 tỷ thì tính bằng 3 tỷ, sau đó tính yếu tố đặc thù của một số địa bàn ( địa bàn trung tâm, địa bàn xa trung tâm, các huyện sáp nhập, huyện biên giới...) đã tính toán trên cơ sở nguồn lực ngân sách, trong định mức bao gồm cho các hoạt động chung của toàn huyện, hoạt động thường trực huyện ủy, thực hiện chế độ hoạt động HĐND, hoạt động chung của UBND huyện, các ban chỉ đạo....

Hoạt động của xã bao gồm hoạt động của các biên chế cấp xã và các hoạt động chung tại xã trong đó có hoạt động HĐND cấp xã. Tính trên cơ sở xã loại 1,2,3 theo Quyết định phân loại xã của UBND tỉnh. Tính bổ sung thêm tiêu chí 10 triệu/ tổ xóm. Bình quân hoạt động của xã khoảng từ 550 tr-650 triệu/xã

Quyết định phân loại xã của UBND tỉnh ( QĐ 607 năm 2007; QĐ 1732 ngày 07/8/2009; QĐ 2840 năm 2020,) căn cứ vào các yếu tố dân số, diện tích, vùng, dân tộc thiểu số để đánh giá phân loại xã theo quy định, xã loại 1 là các địa bàn nhiều yếu tố đặc thù về an ninh, kinh tế, xã hội. Trên cơ sở đó đưa ra định mức trên loại xã. Trên tổng kinh phí được tỉnh giao theo tiêu chí trên, huyện được chủ động phân bổ lại cho phù hợp từng địa bàn.

Theo đề nghị của Ban kinh tế ngân sách: Sở Tài chính phối hợp với các địa phương để tính toán thống nhất số liệu phân bổ cụ thể cho hoạt động của HĐND cấp huyện và HĐND cấp xã. Sở Tài chính đã trao đổi với các huyện và theo ý kiến của 10 huyện đã thống nhất giữa thường trực HĐND huyện và UBND huyện nội dung này để cấp huyện, cấp xã chủ động phân bổ phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Do vậy vẫn giữ nguyên như theo dự thảo đã gửi lấy ý kiến, không tách riêng hoạt động của HĐND các cấp.

#### **(5) Sự nghiệp: văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, kinh tế, sự nghiệp khác**

- Điều chỉnh tăng mức chi hoạt động trên biên chế. Tăng mức chi cho hoạt động chuyên môn của từng sự nghiệp như văn hóa, thể thao, phát thanh truyền hình, đảm bảo xã hội trên cơ sở số thực hiện thực tế hàng năm và dự kiến giai đoạn 2022-2025.

- Tại lĩnh vực đảm bảo xã hội bổ nội dung thăm hỏi Bà mẹ việt nam anh hùng, lão thành cách mạng tại cấp tỉnh, chuyển toàn bộ nội dung thăm hỏi về cấp huyện theo đề nghị của Sở Lao động.

- Sự nghiệp phát thanh truyền hình của tỉnh: tính hỗ trợ kinh phí thuê vệ tinh theo tiêu chuẩn độ nét cao HDTV. Phí dịch vụ kênh truyền hình HD trên hạ tầng mặt đất 880 triệu. Thực hiện các nhiệm vụ đề án nâng cao năng lực truyền thông của Đài PTTH Cao Bằng trên mạng Internet. Kinh phí thuê đường truyền



VNPT hàng năm, bản tin phục vụ covid-19 là 250 triệu, hỗ trợ kinh phí nhuận bút và các khoản chi khác.

- Sự nghiệp phát thanh truyền hình của huyện, theo thực trạng hiện nay chỉ còn các trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn, do vậy quy định mức kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng vận hành trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn trên tiêu chí các trạm đang hoạt động.

- Đối với cấp huyện các sự nghiệp cơ bản tính trên tiêu chí huyện và số xã để tính phân bổ, quy định cho các huyện được chủ động phân bổ cho phù hợp giữa cấp huyện, cấp xã.

- Sự nghiệp kinh tế điều chỉnh tăng mức duy tu sửa chữa đối với các tuyến đường tỉnh và đường huyện. Đối với đường Võ Nguyên Giáp do Thành phố quản lý là tuyến đường cấp huyện, tuy nhiên quy mô đường lớn nhiều làn xe, do vậy quy định mức 56 triệu/km. Định mức duy tu đường xã tính trên số km, không tính trên số xã như giai đoạn trước và đã tính tăng so với giai đoạn trước. Bổ sung quy định sửa chữa đường tuần tra biên giới do cấp tỉnh quản lý. Đường nội bộ khu vực cửa khẩu và khu chức năng thuộc khu kinh tế cửa khẩu.

- SN kiến thiết thị chính trên các địa bàn: điều chỉnh tăng mức trên địa bàn các huyện, từ 800 triệu lên 2.500 triệu đồng. Đối với các huyện có 2 thị trấn có tính hỗ trợ thêm cho các thị trấn không phải trung tâm huyện, bổ sung quy định phân bổ trên tiêu chí đơn vị xã.

Trên địa bàn Thành phố định mức bao gồm cả khối lượng thực hiện đường Võ Nguyên Giáp.

#### **(6) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội**

Đối với cấp tỉnh căn cứ theo khả năng ngân sách thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp cho địa phương. Đối với cấp huyện phân bổ trên tiêu chí huyện, số xã, xã biên giới, xã trọng điểm về an ninh. Tính trên tiêu chí huyện và số xã để đảm bảo phù hợp giữa các huyện, định mức không tách riêng lĩnh vực quốc phòng và an ninh để huyện được chủ động hơn trong việc thực hiện từng lĩnh vực.

Riêng với định mức chi an ninh xã trọng điểm không tăng so với giai đoạn trước do trước đây định mức 50 triệu/ xã bao gồm cả chi chế độ thường trực theo NQ 73, tuy nhiên đến nay Nghị quyết 73 đến nay đã hết giai đoạn.

#### **(7) Sự nghiệp bảo vệ môi trường**

Căn cứ theo khả năng ngân sách và khối lượng thực tế của các đơn vị thực hiện, điều chỉnh tăng mức chi đối với Sở Tài nguyên và môi trường, các huyện, trong đó với cấp huyện bổ sung thêm tiêu chí phân bổ trên số xã. Trên địa bàn Thành phố định mức bao gồm cả khối lượng thực hiện đường Võ Nguyên Giáp.

Bổ sung mức quy định cụ thể với Trung tâm Hội nghị, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh.

#### **(8) Sự nghiệp khoa học và công nghệ**



Mức phân bổ tối thiểu bằng mức trung ương giao cho địa phương hàng năm.

Ngoài ra phân bổ thêm để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: 4.000 triệu đồng/năm. Theo Đề án số 06-NQ/TU ngày 03/11/2021 của Tỉnh Ủy Cao Bằng về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

**(9) Chi hoạt động lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP:**

- Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp lương và khoản đóng góp theo lương theo số người có mặt trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Bổ sung quy định chi hoạt động 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao 10 triệu đồng/biên chế.



**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC ĐƠN VỊ ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH VÀ NGHỊ QUYẾT**

STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
1	Ban Dân tộc tỉnh	Nhất trí	
2	Sở Ngoại vụ	Nhất trí	
3	Sở Công Thương	Nhất trí	
4	Hội Nông Dân tỉnh	Nhất trí	
5	Sở Y tế tỉnh Cao Bằng	Nhất trí	
6	Cục Thuế	Nhất trí	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhất trí	
8	UBND huyện Quang Hòa	Nhất trí	
9	UBND huyện Thạch An	Nhất trí	
10	UBND huyện Nguyên Bình	Nhất trí	
11	UBND huyện Bảo Lạc	Nhất trí	
12	Kho bạc nhà nước tỉnh	Nhất trí	
13	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: - Tại điểm 1, khoản 3, Điều 7: <b>Đề nghị: tăng mức hỗ trợ đặc thù công tác Mặt trận Tổ quốc tỉnh và bảo đảm công tác bảo trì, vệ sinh Trụ sở MTTQ và các đoàn thể tỉnh từ 3.000 triệu đồng/năm lên mức 5.000 triệu đồng/năm</b> Đề xuất giao kinh phí hoạt động cho Tỉnh ủy (tổng số 74 biên chế giao) theo từng khung biên chế: dưới 20, từ 20-40, từ 41-60, trên 60	Căn cứ khả năng ngân sách và trên cơ sở tính dự toán thuế lao động thực hiện công tác bảo trì vệ sinh. Tuy nhiên điều chỉnh tăng chi đặc thù công tác mặt trận lên 3,5 tỷ đồng
14	Văn phòng Tỉnh ủy	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: <b>Khoản 3 Điều 7: đề nghị tăng mức hỗ trợ hoạt động cấp ủy, thường trực từ 12 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng</b>	Không nhất trí tiếp thu, thực hiện đúng theo dự thảo biên chế giao của từng đơn vị, không thể chia khoảng biên chế trong 1 đơn vị như Căn cứ khả năng ngân sách và tham khảo các tỉnh lân cận đề xuất định mức, không nhất trí tiếp thu
15	Văn phòng ĐDBQH và HĐND	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: - Khoản 2 Điều 7: + Nội dung chi phục vụ hoạt động:	



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>* Đề nghị giải trình cơ sở đưa ra định mức phân bổ chi phục vụ hoạt động cho 01 biên chế/năm</p>	<p>Căn cứ khả năng ngân sách và tham khảo các tỉnh lân cận đề xuất định mức</p>
		<p>* Đề nghị bổ sung định mức phân bổ cho chi phục vụ hoạt động cho 1 biên chế/năm đối với cán bộ, công chức cấp xã</p>	<p>Định mức hiện nay là kế thừa giai đoạn trước và có tính tăng so với giai đoạn trước. Chính là chi hoạt động của cấp xã ( bao gồm cả chi hoạt động HĐND, quy đổi ra tính theo biên chế tương đương 20 triệu/ biên chế). Do vậy đề nghị giữ nguyên tiêu chí phân bổ trên loại xã tuy nhiên đã tính tăng thêm so với dự thảo và bổ sung tiêu chí tính trên tổ xóm</p>
		<p>+ Nội dung hỗ trợ thêm hoạt động của các cơ quan:</p> <p>*Đề nghị tăng định mức chi hỗ trợ hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: hỗ trợ hoạt động đoàn đại biểu quốc hội, hoạt động Hội đồng nhân dân và các nhiệm vụ đặc thù khác</p>	<p>Căn cứ khả năng ngân sách và tham khảo các tỉnh lân cận đề xuất định mức như dự thảo là phù hợp. Do vậy giữ nguyên như dự thảo</p>
		<p>* Đề nghị Sở Tài chính dự thảo có phân bổ định mức riêng cho hoạt động của HĐND huyện, HĐND xã để các huyện, xã trong địa bàn tỉnh thực hiện có sự thống nhất mức chi, mục chi, đối tượng chi</p>	<p>Để tạo sự chủ động cho ngân sách cấp dưới, định mức hoạt động chung của cấp huyện cấp xã bao hoạt động của toàn bộ các cơ quan, trong đó chủ yếu là hoạt động của Huyện ủy, HĐND, UBND. Từng cấp căn cứ vào thực tế phát sinh của từng đơn vị để phân bổ đảm bảo phù hợp hơn là tính ấn định. Do vậy giữ nguyên như dự thảo</p>
16	Sở Xây dựng	<p>Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:          - Số thứ tự số 4, khoản 3, điều 7 đề nghị bổ sung, điều chỉnh như sau          + Về nội dung chi, đề nghị sửa lại như sau: Hỗ trợ lập và công bố: Chi số giá xây dựng; Khảo sát đơn giá nhân công; Bảng giá ca máy và thiết bị thi công; Bộ đơn giá xây dựng công trình.</p>	



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
17	Sở Lao động-Thương binh và xã hội	<p>+ Về định mức phân bổ đề nghị sửa thành: 400 triệu đồng/năm</p> <p>- Tại khoản 4.2.1, mục 4, Điều 8 “Mức chi thăm hỏi các hộ gia đình thuộc diện chính sách Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Cán bộ lão thành các mạng 1 triệu đồng/năm”</p> <p>+ Đề nghị chỉnh sửa “Chi thăm hỏi Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến tổng khởi nghĩa tháng tám năm 1945, 01 lần/năm; Bà mẹ Việt nam anh hùng; Thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên mỗi năm thăm 02 lần; mức 01 triệu đồng/1 lần.</p> <p>- Tại khoản 4.2.5, Điều 8: nội dung Sở Lao động –Thương binh và Xã hội “Chuồn bị quạ thăm hỏi các đối tượng chính sách xã hội nhân dịp ngày 27/7 và ngày tết nguyên đán</p> <p>+ Đề nghị chỉnh sửa như sau : “Chuẩn bị quạ thăm hỏi các đối tượng người có công, văn nghệ sĩ tiêu biểu, đối tượng chính sách xã hội, người lao động, các đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, trung tâm điều dưỡng, trung tâm giáo dục nhân dịp tết nguyên đán; đối tượng người có công nhân ngày 27/7 và các hoạt động xã hội khác”</p> <p>- Tại mục 4.3.1. Nội dung thăm hỏi cấp huyện:</p>	<p>Qua trao đổi lại, đơn vị đề nghị chuyển toàn bộ đối tượng về cấp huyện thăm hỏi, không đề tại Sở</p> <p>Đã tiếp thu chỉnh sửa một số đối tượng theo đề nghị của đơn vị</p>



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>+ <b>Đề nghị chỉnh sửa và bổ sung đối tượng như sau:</b> “Chi thăm hỏi Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến tổng khởi nghĩa tháng tám năm 1945, 01 lần/năm; Bà mẹ Việt nam anh hùng; Thương binh; bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên <b>mỗi năm thăm 02 lần</b>”</p>	<p>Qua trao đổi lại, đơn vị đề nghị chuyển toàn bộ đối tượng về cấp huyện thăm hỏi, không đề tại Sở và điều chỉnh tăng mức</p>
		<p>- Tại mục 4.3.2, Điều 8: Nội dung “Các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động thời kỳ kháng chiến, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công giúp đỡ cách mạng, quân nhân bị tại nạn nghề nghiệp (2 năm/lần)”</p>	
		<p>+ <b>Đề nghị bổ sung đối tượng và chỉnh sửa như sau:</b> “Các gia đình liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; người có công giúp đỡ cách mạng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở xuống (2 lần/năm)”</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa</p>
		<p>- Tại mục 4.3.4, Điều 8: Nội dung “Hỗ trợ kinh phí chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên bản các huyện. Mức chi trả cho các đơn vị cung cấp dịch vụ bằng 2% tổng số tiền chi trả trợ cấp”</p>	
		<p>+ <b>Đề nghị chỉnh sửa và bổ sung nội dung hỗ trợ như sau:</b>  “Hỗ trợ kinh phí chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên bản các huyện. Mức chi trả cho các đơn vị cung cấp dịch vụ bằng 2,2% tổng số tiền chi trả trợ cấp; hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh 0,2%, cơ quan quản lý cấp huyện 0,2% tổng số tiền chi trả trợ cấp”</p>	<p>Quy định căn cứ trên cơ sở quy định nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư số 71/2021/TT-BTC, khả năng ngân sách, tham khảo một số địa phương, không bao gồm công tác quản lý của cơ quan cấp tỉnh. Riêng công tác của Sở LĐ đã tính hỗ trợ tại mục chi hỗ trợ SLĐ tại mục 4.2.5 Điều 8. Do vậy</p>



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
18	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: Tại Khoản 2, Điều 2 đề nghị chỉnh sửa nội dung "Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN)", do chưa có cụm từ viết đầy đủ của ngân sách nhà nước để viết tắt thành NSNN Tại Khoản 2, Điều 7 bổ sung thêm đơn vị tính cụm từ "/năm" tại các nội dung "Đối với đơn vị từ 2 biên chế trở xuống được hỗ trợ thêm 100 triệu đồng/đơn vị/năm"; "định mức phân bổ cấp huyện, cấp xã là biên chế/năm, người/năm, xã/năm" để đơn vị tính theo định mức phân bổ được đầy đủ	Đã tiếp thu chỉnh sửa  Đã tiếp thu chỉnh sửa
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: - Tại khoản 2 Điều 4. Chi phục vụ hoạt động tính định mức chi cho 01 biên chế được cấp có thẩm quyền giao như sau: Các cấp học: Đề xuất tăng định mức phân bổ chi phục vụ hoạt động cho 01 biên chế lên 24 triệu đồng/biên chế/năm - Tại Khoản 3 Điều 4, Nội dung: Hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo 8.500 triệu đồng/năm chi nhiệm vụ sự nghiệp tập trung, các nhiệm vụ phát sinh khác thuộc lĩnh vực của ngành trừ các đề án, dự án: Đề nghị tăng: Hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo 9.000 triệu đồng/năm	Định mức biên chế đã tính đảm bảo phù hợp và khả năng ngân sách, không tiếp thu chỉnh sửa
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: - Tại Điều 7, chương II của Dự thảo: " + <b>Đề nghị:</b> bổ sung kinh phí hoạt động đặc thù của Kiểm lâm để mua sắm, trang cấp công cụ hỗ trợ, trang thiết bị chuyên dụng, đồng phục Kiểm lâm" Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:	Đã căn cứ trên khả năng ngân sách và tham khảo các tỉnh điều kiện tương đồng, không tiếp thu chỉnh sửa
21	Sở Giao thông vận tải 20.1. Dự thảo Tờ trình:	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: Phân viện dẫn Luật Ngân sách nhà nước	Đã tiếp thu chỉnh sửa



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
	20.2. Dự thảo Nghị quyết:		
		- Tại điểm 6 (chi sự nghiệp giao thông bảo trì sửa chữa thường xuyên) thuộc khoản 3 Điều 8: Về tên của khoản mục chi: đề nghị sửa lại là "chi sự nghiệp giao thông: bảo trì đường bộ" vì bảo trì đường bộ gồm công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ	Đã tiếp thu chỉnh sửa
		- Đề nghị sửa lại điểm 6 như sau: + Chi sự nghiệp giao thông (bảo trì đường bộ) * Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ:	
		Đề nghị bổ sung thêm định mức chi: " Đường đô thị: Đường Võ Nguyên Giáp: 100 triệu đồng/km/năm" ( Hiện nay tuyến đường này đang thống kê vào danh sách sách đường huyện)	Tuyến đường này tại QĐ 1596/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 do Sở GTVT tham mưu đang thống kê vào tuyến đường cấp huyện, STC không có cơ sở thực hiện đối với đề nghị bổ sung này cả về loại đường và định mức.
		* Bảo dưỡng thường xuyên cầu treo:	
		Đề nghị bổ sung thêm định mức chi: 10 triệu/md/năm	Chưa có thống kê số lượng để tính toán nguồn lực, do vậy không nhất trí điều chỉnh. Sẽ thực hiện theo thực tế phát sinh khi các đơn vị đề nghị
		* Bảo dưỡng thường xuyên cầu trung(cầu có khẩu độ tỉnh không thoát nước từ 25m đến dưới 100m)	Chưa có thống kê số lượng để tính toán nguồn lực, do vậy không nhất trí điều chỉnh. Sẽ thực hiện theo thực tế phát sinh khi các đơn vị đề nghị
		Đề nghị bổ sung thêm định mức chi: 20 triệu đ/m/năm	Chưa có thống kê số lượng để tính toán nguồn lực, do vậy không nhất trí điều chỉnh. Sẽ thực hiện theo thực tế phát sinh khi các đơn vị đề nghị
		* Sửa chữa đường tuần tra biên giới do cấp tỉnh quản lý: 30 triệu đ/km	



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>Hệ thống đường tuần tra biên giới hiện nay đã được thống kê vào hệ thống đường địa phương (đường huyện, đường xã), đề xuất bố trí kinh phí để sửa chữa các đoạn đường nhánh xương cá đi ra các mốc, phục vụ tuần tra. Đồng thời, cần xác định rõ đối tượng quản lý, sử dụng nguồn kinh phí này</p>	<p>Quy định căn cứ trên cơ sở quy định của QĐ 30/2021/QĐ-TTg, dự kiến giao cho Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng</p>
		<p>* Hỗ trợ thêm cho công tác sửa chữa đường tỉnh, đường huyện: (9.000 triệu đồng/năm)</p>	<p>* Hỗ trợ thêm cho công tác bảo trì đường bộ Sở Giao thông thực hiện (9.000 triệu đồng/năm)</p>
		<p>Đề xuất hỗ trợ bình quân theo số km đường tỉnh, đường huyện hiện có. <b>Mức đề xuất: 30 triệu đ/km/năm.</b></p>	
22	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	<p>Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:</p> <p>- Tại điều 7. Chi quản lý hành chính:</p> <p>+ Nội dung: cấp tỉnh: các cơ quan Đảng, Đoàn thể, HĐND, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp</p>	
		<p><b>Đề nghị giải trình:</b> các hội trên đã bao gồm các tổ chức hội đặc thù chưa? Nếu chưa đề nghị bổ sung.</p>	<p>Nội dung cấp tỉnh các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được quy định theo mục lục quản lý ngân sách đã bao gồm các <b>Hội đặc thù</b></p>



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>+ <b>Đề nghị bổ sung mục 6 vào Điều 7</b> : Hỗ trợ chi hoạt động người lãnh đạo các Hội đặc thù (các hội đặc thù lãnh đạo là người hưởng chế độ thù lao): 36 triệu đồng/người/năm</p>	<p>Các Hội đặc thù theo quy định tại Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã được nhà nước giao biên chế và hỗ trợ về kinh phí: Chế độ hỗ trợ đã đảm bảo: Bao gồm: chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội (NQ số 31/2012/NQ-HĐND tỉnh Cao Bằng); Lương và HD của biên chế giao ngoài ra được hỗ trợ theo nhiệm vụ chính trị giao. Đối với Liên hợp các hội khoa học kỹ thuật năm 2022 được hỗ trợ theo nhiệm vụ 390 triệu đồng</p>
23	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:  <b>Điều 11. Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ</b>  <i>Ngoài ra phân bổ thêm từ nguồn ngân sách địa phương để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Từ 4.000 triệu đồng/năm trở lên</i></p>	
24	UBND Thành phố Cao Bằng	<p>Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:  a. Tại Điều 7 chi quản lý hành chính (ý 3 Mục 8), về bổ sung hoạt động nhiệm vụ chung của huyện (bao gồm cả kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND)</p>	<p>Cân đối ngân sách đưa ra định mức để thực hiện trong giai đoạn ổn định ngân sách, do vậy không tiếp thu</p>
		<p>- <b>Đề nghị</b> : Điều tăng chi hoạt động nhiệm vụ chung của thành phố: 4.200 triệu đồng/ năm.</p>	<p>Định mức theo dự thảo đã có tính yếu tố địa bàn trung tâm của Thành phố, tuy nhiên đã điều chỉnh tăng theo khả năng ngân sách chung cho 10 huyện</p>
		<p>b. Tại Điều 8 ý 3 sự nghiệp: Văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, kinh tế, sự nghiệp khác đề nghị điều chỉnh định mức phân bổ như sau:</p>	
		<p>- Mục 1.2: Sự nghiệp văn hoá thông tin cấp huyện</p>	



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Đề nghị:</b> Điều chỉnh hồ trợ hoạt động văn hoá, tuyên truyền thu viện: 300 triệu đồng/ huyện và 25 triệu đồng/ phường; 20 triệu đồng/ xã</li> <li>- Mục 2: Sự nghiệp thể thao cấp huyện mục 2.2 phân bổ hỗ trợ hoạt động thể thao theo tiêu chí xã: 25 triệu đồng/xã</li> <li>+ <b>Đề nghị:</b> Điều chỉnh hồ trợ hoạt động thể thao: 200 triệu đồng/ huyện và 15 triệu đồng/ xã</li> <li>- Ý 5 mục 6 về chi sự nghiệp giao thông bảo trì sửa chữa thường xuyên:</li> <li>- <b>Đề nghị:</b> Bổ sung định mức phân bổ bảo trì sửa chữa thường xuyên hàng năm riêng với tuyến đường Võ Nguyên Giáp: 130 triệu đồng/01km/năm</li> <li>- Ý 5 mục 7 về chi sự nghiệp kiến thiết thị chính trên các địa</li> <li>- <b>Đề nghị bổ sung nội dung:</b> Đối với định mức phân bổ trên không bao gồm tuyến đường Võ Nguyên Giáp</li> <li>c. Tại Điều 10 chi sự nghiệp môi trường, ý 4: Địa bàn thành phố: 40.000 triệu đồng/năm</li> <li>- <b>Đề nghị bổ sung nội dung:</b> Đối với định mức Sự nghiệp Môi trường của Thành phố không bao gồm kinh phí thực hiện tuyến đường Võ Nguyên Giáp và kinh phí vận hành bãi xử lý rác thải tại Xóm Nà Lán, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng.</li> </ul>	<p>Nhất trí chính sửa 300 triệu/huyện, 20 triệu/xã, không nhất trí tách địa bàn phường, xã</p> <p>Đã điều chỉnh tăng so với dự thảo</p> <p>Chưa có cơ sở để tính định mức do vậy không tiếp thu</p> <p>Dự thảo tính trên cơ sở địa bàn, không nhất trí tiếp thu</p> <p>Dự thảo tính trên cơ sở địa bàn, không nhất trí tiếp thu</p>
25	UBND huyện Hòa An	<p>Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại mục 2 Điều 7: chi phục vụ hoạt động cấp xã</li> </ul>	



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p><b>Đề nghị</b> xem xét việc ban hành định mức chi hoạt động/ số biên chế giao (áp dụng như chi quản lý hành chính cấp huyện 35 triệu đồng/biên chế)</p>	<p>Định mức hiện nay là kế thừa giai đoạn trước và có tính tăng so với giai đoạn trước. Chính là chi hoạt động của cấp xã ( bao gồm cả chi hoạt động HĐND, quy đổi ra tính theo biên chế tương đương 20 triệu/ biên chế). Do vậy đề nghị giữ nguyên tiêu chí phân bổ trên loại xã tuy nhiên đã tính tăng thêm so với dự thảo và bổ sung tiêu chí tính trên tổ xóm.</p>
		<p>- Tại Mục 3 Điều 7: Chi hỗ trợ thêm hoạt động của các cơ quan</p> <p><b>Đề nghị:</b> xem xét bổ sung thêm phân định mức cho huyện từ 3.000 triệu đồng lên 3.500 triệu đồng</p>	<p>Đã điều chỉnh chung 10 huyện</p>
26	UBND huyện Trùng Khánh	<p>Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:</p> <p>- Tại điểm 8, khoản 3, Điều 7: Quy định định mức "Bổ sung phục vụ hoạt động nhiệm vụ chung của huyện (bao gồm cả kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND) tính trên tiêu trí số xã và yếu tố đặc thù". UBND huyện đề xuất tách riêng nội dung phân hỗ trợ kinh phí như sau:</p>	<p>Để tạo sự chủ động cho ngân sách cấp dưới, định mức hoạt động chung của cấp huyện cấp xã bao hoạt động của toàn bộ các cơ quan, trong đó chủ yếu là hoạt động của Huyện ủy, HĐND, UBND. Từng cấp căn cứ vào thực tế phát sinh của từng đơn vị để phân bổ đảm bảo phù hợp hơn là tính ấn định. Do vậy giữ nguyên như dự thảo, không nhất trí tiếp thu</p>



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>+ Hỗ trợ hoạt động cấp ủy cấp huyện, cấp xã; hoạt động của Thường trực Huyện ủy. Tiêu chí phân bổ tính trên tiêu chí huyện, số xã và yếu tố đặc thù.</p>	<p>Đề nghị các huyện căn cứ chương trình công tác, quyết toán thực tế hàng năm, theo định hướng hạn chế các khoản chi hỗ trợ ngoài lương cho con người, hạn chế kinh phí hội họp tiếp khách, tiết kiệm chi thường xuyên (Theo chỉ thị 21 và QĐ 30 của TT Chính phủ) để xem xét phân bổ kinh phí cho hoạt động chung của toàn bộ các cơ quan đơn vị cấp huyện, trong đó có kinh phí hoạt động của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đồng thời dành nguồn để điều hành chung những nhiệm vụ</p>
		<p>+ Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng nhân dân; hoạt động chung của Thường trực HĐND và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã. Tiêu chí phân bổ tính trên tiêu chí huyện, số xã và yếu tố đặc thù</p>	
		<p>+ Hỗ trợ hoạt động chung của huyện thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất, không có trong dự toán giao đầu năm</p> <p>- Tại điểm 1.2, khoản 3, Điều 8: Quy định định mức phân bổ "Hỗ trợ cho hoạt động văn hóa, tuyên truyền, thư viện tính trên tiêu chí huyện và số xã"</p>	
		<p><b>Đề nghị: nâng định mức phân bổ lên là "300 triệu đồng/huyện và 30 triệu đồng/xã"</b></p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa 300 triệu/huyện, 20 triệu/xã</p>
		<p>- Tại điểm 2.2, khoản 3, Điều 8: Quy định định mức phân bổ "Hỗ trợ hoạt động thể thao theo tiêu chí số xã" và định mức là "25 triệu đồng/xã"</p>	
		<p><b>Đề xuất: sửa đổi tiêu chí phân bổ như sau "Hỗ trợ cho hoạt động thể thao tính trên tiêu chí huyện và số xã" và định mức phân bổ là "200 triệu đồng/huyện và 20 triệu đồng/xã"</b></p>	<p>Đã điều chỉnh tăng so với dự thảo</p>
		<p>- Tại điểm 4.3.1, điểm 4.3.2, khoản 3, Điều 8:</p>	
		<p><b>Đề nghị sửa: 0,5 triệu đồng thành 0,5 triệu đồng/lần</b></p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa</p>
		<p>- Tại điểm 6, khoản 3, Điều 8:</p>	



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<b>Đề xuất:</b> tăng đường xã lên theo định mức tối thiểu là "5 triệu đồng/km"	Không nhất trí chỉnh sửa, đã tính toán trên cơ sở khả năng ngân sách và tăng so với giai đoạn trước
27	UBND huyện Bảo Lâm	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: Tại Mục 3 Điều 7 trong bản dự thảo: Chi hỗ trợ thêm hoạt động của các cơ quan: định mức phân bổ cho huyện Bảo Lâm là 3,8 tỷ đồng/năm. <b>Đề nghị:</b> xem xét bổ sung thêm phân định mức cho huyện từ 3,8 tỷ đồng lên thành 5 tỷ đồng/năm	Đã tính toán trên cơ sở khả năng ngân sách và tăng so với giai đoạn trước, tuy nhiên cũng đã điều chỉnh tăng chi hoạt động chung cả 10 huyện so với dự thảo
		Tại Mục 2 Điều 7 trong bản dự thảo: Chi phục vụ hoạt động cấp xã. Ngoài định mức phân bổ, xã loại 1: 450 triệu đồng/xã/năm; xã loại 2: 400 triệu đồng/xã/năm; xã loại 3: 350 triệu đồng/xã/năm	
		<b>Đề nghị:</b> xem xét việc ban hành định mức chi hoạt động/số biên chế giao (áp dụng như chi quản lý hành chính cấp huyện 35 triệu đồng/biên chế	Định mức hiện nay là kế thừa giai đoạn trước và có tính tăng so với giai đoạn trước. Chính là chi hoạt động của cấp xã (bao gồm cả chi hoạt động HĐND, quy đổi ra tính theo biên chế tương đương 20 triệu/biên chế). Do vậy đề nghị giữ nguyên tiêu chí phân bổ trên loại xã tuy nhiên đã tính tăng thêm so với dự thảo và bổ sung tiêu chí tính trên tổ xóm.
28	UBND huyện Hà Quảng	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: - Điều 9 về chi Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội: <b>Đề nghị:</b> xem xét quy định định mức chi cho quốc phòng riêng và chi cho an ninh riêng	Qua đánh giá thực tế, tùy địa bàn mà nhu cầu chi lĩnh vực an ninh, quốc phòng khác nhau, do vậy quy định chung cả 2 lĩnh vực để cấp huyện được chủ động trong việc phân bổ, không nhất trí tiếp thu
29	UBND huyện Hạ Lang	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến: - Tại điều 7: Chi quản lý hành chính:	



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		+ Nội dung các tổ chức hội có tinh chất đặc thù cấp huyện	Hội chữ thập đỏ là đơn vị được giao biên chế, tính theo quy định tại dự thảo 35 triệu/biên chế. Không giống hội Luật gia và Hội khuyến học. Ngoài ra huyện có thể phân bổ thêm kinh phí hoạt động cho các đơn vị từ kinh phí hoạt động chung. Không nhất trí tiếp thu
		<b>Đề nghị xem xét: Dựa trên tổng kinh phí giao cho các hội, cấp huyện được phép phân bổ kinh phí cho từng hội thực hiện nhiệm vụ phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế của các hội ( Hội chữ thập đỏ, hội luật gia, hội khuyến học..)</b>	
		+ Nội dung chi hoạt động chung của huyện:	
		<b>Đề nghị: tăng định mức bổ sung phục vụ hoạt động nhiệm vụ chung của huyện Hạ Lang, Nguyên Bình tăng lên mức 4.500 triệu đồng/năm</b>	Định mức xây dựng đã tính trên cơ sở số xã và các yếu tố đặc thù, tuy nhiên cũng đã điều chỉnh tăng.
		- Tại điều 8: Sự nghiệp	
		+ <b>Đề nghị: tăng định mức hỗ trợ hoạt động thể thao lên 30 triệu đồng/xã</b>	Đã điều chỉnh tăng so với dự thảo
		+ <b>Đề nghị: tăng kinh phí cho sự nghiệp kiến thiết thị chính của các huyện: Hòa An, Thạch An, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang lên 3.000 triệu đồng/năm</b>	Không nhất trí chỉnh sửa, đã tính toán trên cơ sở khả năng ngân sách và tăng so với giai đoạn trước
		- Tại điều 10: Sự nghiệp bảo vệ môi trường	
		+ <b>Đề nghị: tăng định mức của các huyện còn lại lên 4.000 triệu đồng/năm</b>	Không nhất trí chỉnh sửa, đã tính toán trên cơ sở khả năng ngân sách và tăng so với giai đoạn trước
30	Trường PT DTNT THCS Thông Nông	Nhất trí, ngoài ra có các ý kiến:  - Chi phục vụ hoạt động tính định mức chi cho một biên chế được cấp có thẩm quyền giao: các cấp học 22 triệu đồng/ biên chế/năm. <b>Riêng các trường chuyên biệt: 25 triệu đồng/biên chế/năm</b>  - Hỗ trợ các chế độ khác cho học sinh nội trú: <b>Đề xuất tăng lên 5 triệu đồng/ học sinh/ năm</b>	Không nhất trí chỉnh sửa, đã tính toán trên cơ sở khả năng ngân sách và tăng so với giai đoạn trước
31	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Tại Điều 8.Sự nghiệp	Không nhất trí chỉnh sửa, đã tính toán trên cơ sở khả năng ngân sách và tăng so với giai đoạn trước



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>+ <b>Đề nghị bổ sung nội dung</b> chi sự nghiệp địa chính theo chi tiêu kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách địa phương</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 8-mục 5.7 (trang 11) có nêu: Kinh phí thực hiện tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện là 500 triệu đồng/năm</p>	<p>Không nhất trí chỉnh sửa, địa chính thuộc sự nghiệp tài nguyên, nằm trong chi hoạt động kinh tế</p>
		<p>+ <b>Đề nghị làm rõ không bao gồm chi phí chi trả thù lao cho đơn vị dịch vụ tổ chức đấu giá</b></p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo: Kinh phí thực hiện tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện là 500 triệu đồng/năm bao gồm cả chi phí chi trả thù lao</p> <p>Lý do:  - Quyết toán thực tế năm 2020: 598,8 triệu cả chi phí thù lao (Kế hoạch tài thác 16 mò);  Năm 2021 dự toán 272 triệu cả chi phí thù lao (Kế hoạch khai thác 9 mò)  - Kinh phí phụ thuộc vào số lượng các mỏ khai thác trường hợp kế hoạch vượt định mức sẽ thực hiện bổ sung trong năm</p>
		<p>+ <b>Đề nghị xem xét, bổ sung mức chi cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với nội dung duy trì, cập nhật, nâng cấp các phần mềm chuyên môn, chuyên ngành dự kiến khoảng 300 triệu đồng /năm</b></p> <p>+ <b>Đề nghị bổ sung mục chi và mức chi đối với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố Cao Bằng để thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác</b></p> <p><b>* Đối với dự thảo Nghị quyết</b></p> <p>- <b>Tại tên dự thảo nghị quyết, cần bổ sung cụm từ “Ban hành “ trước cụm từ “Quy định”.</b></p>	<p>Định mức chi hoạt động đã bao gồm các nội dung nêu trên, không nhất trí bổ sung</p> <p>Định mức chi hoạt động đã bao gồm các nội dung chi thuộc chuyên môn nhiệm vụ của các cơ quan, không nhất trí bổ sung</p>
32	Sở Tư pháp		Nhất trí chỉnh sửa



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>- Tại Điều 2,3 dự thảo cần quy định: <b>“Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân theo quy định.</b></p> <p>Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân</p> <p><b>* Đối với dự thảo quy định</b></p> <p>- Tại Điều 1 dự thảo cần thay cụm từ <b>“Nghị quyết này”</b> bằng cụm từ <b>“Quy định này”</b></p> <p>- Xem xét bỏ nội dung tại khoản 6 Điều 3 vì không mang tính nguyên tắc</p> <p>-<b>Tại khoản 2,3 Điều 7 cần thay nội dung “Kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật; Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện công tác hòa giải cơ sở” bằng nội dung “Kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở; xây dựng; hoàn thiện; kiểm tra; rà soát; hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật”.</b></p> <p><b>Quy định định mức phân bổ đối với hoạt động nêu trên là 2.000 triệu đồng/năm</b></p>	Nhất trí chỉnh sửa
			Nhất trí chỉnh sửa
			Nhất trí chỉnh sửa
			Nhất trí chỉnh sửa
			Nhất trí chỉnh sửa
33	Sở Văn hóa thể thao và DL	<p>- Lách chi tiết thành 02 nội dung để theo dõi dự toán</p> <p>+ Chi hỗ trợ hoạt động văn hóa tuyên truyền</p> <p>+ <b>Bổ sung đầu sách</b></p> <p>- Hỗ trợ chi nhiệm vụ sự nghiệp, tổ chức và tham dự các hoạt động văn hóa trong và ngoài tỉnh và các nhiệm vụ phát sinh khác thuộc lĩnh vực của ngành văn hóa trừ các đề án, dự án tăng từ 4.000 triệu đồng/năm lên 8.000 triệu đồng/ năm do lĩnh vực văn hóa, du lịch ngày càng tăng</p>	Nhất trí
			<p>Không nhất trí: phù hợp với khả năng ngân sách địa phương. Trường hợp trong năm tổ chức các sự kiện lớn theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền sẽ xem xét bổ sung</p>



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí bồi dưỡng luyện tập biểu diễn tại các xã vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ tăng từ 8 triệu đồng/buổi biểu diễn lên 15 triệu đồng/buổi biểu diễn</li> <li>- Chi phục vụ hoạt động tính định mức chi cho 01 biên chế cấp có thẩm quyền giao tăng từ 10 triệu đồng/biên chế lên 20 triệu đồng/biên chế</li> </ul>	<p>Không nhất trí: Mức chi đã phù hợp với các nội dung quy định tại Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung thêm một số nội dung</li> </ul>	<p>Không nhất trí</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kinh phí bản tin văn hóa, thể thao và du lịch số tiền là: 650 triệu đồng/năm</li> </ul>	<p>Không đưa và định mức, căn cứ số lượng xuất bản sẽ thực hiện cấp theo thực tế</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ KP vận hành 02 Website quảng bá du lịch Cao Bằng: 520 triệu đồng/năm</li> </ul>	<p>Không nhất trí</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ kinh phí cho phương tiện của 1 thư viện di tuyên truyền giới thiệu văn hóa sách báo, luận chuyên sách báo... đến vùng sâu, vùng xa, các trường học: 130 triệu đồng/năm</li> </ul>	<p>Nhất trí và hỗ trợ thêm tại phần chỉnh sửa bổ sung đầu sách</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích 200 triệu đồng/năm</li> </ul>	<p>Không nhất trí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể 400 triệu đồng/năm</li> </ul>	<p>Không nhất trí: vì các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể đơn vị được giao thực</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Tại điểm 2, mục 3 Điều 8</li> </ul>	
34	Trung tâm đào tạo, thi đấu thể thao và nghệ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chính sửa câu từ mục 2.1 "Hỗ trợ hoạt động phong trào thể thao và các hoạt động phát sinh của ngành trừ các đề án, dự án" sửa thành "Hỗ trợ kinh phí tổ chức các giải cấp tỉnh và tham dự các giải khu vực và toàn quốc, các nhiệm vụ phát sinh của ngành trừ các đề án, dự án"</li> </ul>	<p>Nhất trí chỉnh sửa</p>



STT	Đơn vị	Ý kiến góp ý	Ý kiến Sở Tài chính
		<p>+ Hỗ trợ chi phí vận dụng, sinh hoạt cho vận động viên đội tuyển năng khiếu sửa thành "Hỗ trợ chi phí vật dụng, sinh hoạt và mua sắm dụng cụ tập luyện chuyên môn cho các đội tuyển tại Trung tâm Đào tạo, thi đấu Thể thao và Nghệ thuật"</p> <p>+ Hỗ trợ chi phí chi trả chế độ cho huấn luyện viên và đội tuyển tham gia luyện tập thường xuyên; chế độ kiểm tra sức khỏe tham gia giải thi đấu khu vực và toàn quốc..." sửa thành " Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền chế độ cho huấn luyện viên và các đội tuyển tham gia tập luyện thường xuyên; chế độ tập huấn, đi thi đấu giải khu vực và toàn quốc; chế độ thuốc bổ, bảo hiểm, kiểm tra sức khỏe, chăm sóc sức khỏe sửa trị chấn thương..."</p>	<p>Chỉnh sửa Hỗ trợ chi phí mua vật dụng, sinh hoạt và mua sắm dụng cụ tập luyện cho các đội tuyển tại Trung tâm Đào tạo, thi đấu Thể thao và Nghệ thuật</p> <p>Nhất trí chỉnh sửa Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ cho huấn luyện viên và các đội tuyển tham gia tập luyện thường xuyên, tập huấn, thi đấu giải khu vực và toàn quốc (gồm: tiền công, chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng...); chế độ thuốc bổ, thực phẩm chức năng, bảo hiểm, kiểm tra sức khỏe, chăm sóc sức khỏe chữa trị chấn thương..."</p>
35	Sở Thông tin và Truyền thông	<p>- Tại nội dung 3 (Sự nghiệp phát thanh truyền hình) quy định khoản 3, điều 8. Sự nghiệp: Văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội, kinh tế, sự</p> <p><b>Đề nghị sửa:</b></p> <p>- Cấp huyện, thành phố: tính trên tiêu chí số trạm (hoạt động)</p> <p>- Kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, vận hành trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn: 80 triệu đồng/trạm/năm</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa</p> <p>Đã tiếp thu chỉnh sửa</p>



Số: 216/BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 09 tháng 11 năm 2021

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

### **Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2520/CV-STC ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Sở Tài chính về việc thẩm định Nghị quyết quy định định mức và quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

#### **2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên**

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Bên cạnh đó, cần chỉnh sửa nội dung sau:

Tại khoản 2 Điều 7 của dự thảo Quy định đề thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 7 dự thảo cần thay nội dung “Kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật; Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện công tác hòa giải cơ sở” bằng nội dung “*Kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở; xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*”.

#### **3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

Dự thảo Nghị quyết đã thực hiện theo quy định Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Bên cạnh đó, dự thảo cần chỉnh sửa các nội dung sau:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết



- Tại dòng chữ “Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày .... tháng .... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp” dự thảo cần quy định như sau:

“Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày .... tháng .... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp”.

- Tại Nơi nhận dự thảo cần thay đơn vị “Trung tâm Công báo Tỉnh” bằng đơn vị “Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh”.

b) Đối với dự thảo Quy định

-Tại Điều 4 và khoản 1 Điều 12 dự thảo cần trình bày bố cục nội dung theo Điều, khoản, điểm, ví dụ:

**“Điều 4. Sự nghiệp giáo dục**

...

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung gồm:

a) Các chương trình...

b). ...”

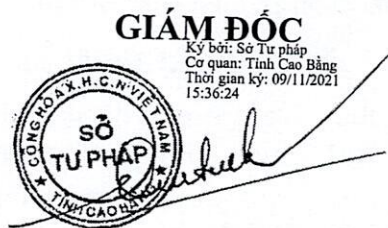
**4. Kết luận**

Qua thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung nêu trên để dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Các PGĐ Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.



**Bàn Thanh Hiền**